

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/DS-PT
Ngày: 02-8-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Hồ Văn Cường;
2. Ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2022/QĐ-PT, ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 7, đường số 5 Đặng Văn Lý, khu phố 5, phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 171, đường N, khu phố H1, phường H2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 29-9-2021); vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thanh Th, sinh năm 1979 và ông Trương Văn B, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 125, hẻm 14, đường T2, khu phố H2, phường H2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị Bích T3, sinh năm 1994, cư trú tại: Số 393, ấp C, xã H3, huyện C1, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1993; cư trú tại: T1/49, ấp T4, xã Đ, huyện C1, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị H và người đại diện hợp pháp của bà H, ông Trần Quốc T1 trình bày: Bà Vũ Thị H quen biết bà Lâm Thanh Th thông qua bà Phạm Thị Bích T3. Giữa bà T3, bà H là mối làm ăn có vay tiền của nhau, nhưng đã thanh toán xong. Do quen biết, nên trong tháng 7-2021, bà Th, ông B đã nhiều lần vay tiền của bà H để cho vay lại, cụ thể như sau:

- Ngày 09-7-2021, bà Th ký 02 giấy vay tiền, giấy thứ nhất vay 50.000.000 đồng; giấy thứ hai vay 350.000.000 đồng, tất cả thỏa thuận lãi suất 04%/ tháng, trả tiền lãi trước tại thời điểm làm giấy nợ, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 12-7-2021, bà Th ký 03 giấy vay tiền, giấy thứ nhất vay 380.000.000 đồng; giấy thứ hai vay 396.000.000 đồng; giấy thứ ba vay 20.000.000 đồng, tất cả thỏa thuận lãi suất 04%/ tháng. Tiền lãi trả trước tại thời điểm làm giấy nợ, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 13-7-2021, bà Th vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, trả tiền lãi trước tại thời điểm làm giấy nợ, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 14-7-2021, bà Th vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, trả tiền lãi trước tại thời điểm làm giấy nợ, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 17-7-2021, bà Th vay số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, trả tiền lãi trước tại thời điểm làm giấy nợ, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 23-7-2021, bà Th ký 02 giấy vay tiền, giấy thứ nhất vay 485.000.000 đồng; giấy thứ hai vay 300.000.000 đồng, tất cả thỏa thuận lãi suất 04%/ tháng, trả tiền lãi trước tại thời điểm làm giấy nợ, thời hạn vay 01 tháng.

Tổng cộng số tiền vay là 2.581.000.000 đồng. Các lần vay tiền, bà Th trực tiếp viết nội dung, lặn tay, ký tên, ghi họ tên tại mục bên vay vốn. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận cho đến nay bà Th, ông B chưa trả tiền vay và tiền lãi cho bà H. Tổng cộng tiền lãi bà H đã nhận khi cho vay là 103.240.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng. Bà H yêu cầu tính lãi suất 1,66%/ tháng, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt mức lãi suất 1,66%/ tháng vào số tiền lãi bà H đã nhận. Khi khởi kiện bà H yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm đến ngày xét xử đối với từng khoản vay. Nay bà H yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 23-8-2021 (ngày vi phạm của khoản vay cuối cùng) đến ngày xét xử tính tròn 08 tháng, như sau: $2.581.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\% / \text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 342.756.000 \text{ đồng}$, trừ số tiền lãi bà H đã nhận vượt quá quy định 64.712.000 đồng, nên tiền lãi còn phải trả 278.044.000 đồng. Bà H yêu cầu bà Th, ông B có trách nhiệm trả số tiền nợ tổng cộng 2.859.044.000 đồng, trong đó nợ gốc 2.581.000.000 đồng, tiền

lãi 278.044.000 đồng.

Bị đơn, bà Lâm Thanh Th trình bày: Bà biết bà Vũ Thị H (còn có tên gọi khác là Thái) là người chuyên cho vay tiền. Bà H là người cho bà Phạm Thị Bích T3 vay tiền, sau đó bà T3 cho bà vay lại, trong tháng 6-2021 bà T3 đưa chồng đi bệnh viện mổ chân cũng là thời gian đến hạn ghi lại hợp đồng với chủ nợ cho bà T3 vay tiền, do không về được nên bà T3 nhờ bà đi trả tiền lãi và ghi lại hợp đồng vay tiền tháng mới cho một số chủ nợ, trong đó có bà H. Do chị em thân thiết và nhiều năm làm ăn, hơn nữa bà T3 là con cô cậu bên chồng, muốn giữ uy tín cho em chồng nên bà đồng ý đi trả tiền lãi và ghi lại hợp đồng tháng mới giùm bà T3. Ngày 11-9-2021, bà đã giao lại cho bà T3 các giấy vay vốn này.

Các giấy vay tiền bà H cung cấp khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả là do bà viết nội dung, ký tên, lấn tay, ghi họ tên bên vay, nhưng thực tế bà không vay tiền, không nhận tiền của bà H, mà chỉ làm lại hợp đồng giùm bà T3, nhưng bà T3 không thừa nhận và cũng không thừa nhận giấy nợ bà viết lại giùm cho bà T3. Bà H, bà T3 02 lần đến nhà bà để thỏa thuận, nhưng bà T3 trình bày không vay tiền của bà H, nên sau đó bà H gọi điện cho bà tìm lại các giấy nợ cũ bà T3 ký trước đây để bà H làm việc với bà T3, nhưng các giấy nợ này sau khi trả tiền lãi và ghi lại giấy nợ mới thì xé bỏ, nên không cung cấp được.

Ngày 09-8-2021, các giấy nợ bà ký lại giùm bà T3 đến hạn trả tiền lãi nhưng do dịch bệnh đang giãn cách xã hội, bà có thông báo cho bà T3 biết, nên bà T3 gọi điện cho bà H tiếp tục thỏa thuận ghi lại hợp đồng mới, ngày 09-8-2021 bà chuyển khoản tiền cho bà T3 để trả tiền lãi cho bà H qua tài khoản của ông Nguyễn Quốc T4 chồng bà T3, trong nội dung chuyển tiền bà không ghi rõ chuyển trả tiền gì. Sau đó, bà T3 chuyển khoản trả cho bà H và thông báo cho bà biết đã ghi lại hợp đồng và chụp gửi ảnh đã chuyển khoản cho bà H qua cho bà xem để xé bỏ các hợp đồng bà viết, ký với bà H từ ngày 09-7-2021 đến ngày 14-7-2021. Các giấy nợ còn lại do dịch bệnh nên ngưng trả lãi. Đây là nợ của bà T3 nợ bà H, không phải nợ của vợ chồng bà.

Bị đơn, ông Trương Văn B trình bày: Ông không biết bà H là ai, vợ chồng ông không vay tiền của bà H. Ông không liên quan gì đến việc làm ăn giữa bà Th với bà T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Bích T3 trình bày: Khoảng đầu năm 2020, bà có vay tiền của bà H. Khi vay làm nhiều giấy nợ khác nhau, thỏa thuận vay trong thời hạn 01 tháng trả lại nợ gốc, tiền lãi lấy trước tại thời điểm ký giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 06%/ tháng, sau đó còn 04%/ tháng. Hết 01 tháng phải trả tiền nợ gốc, nếu vay tiếp thì viết lại giấy nợ mới. Do thời gian đã lâu, bà không nhớ cụ thể vay thời gian nào, nhưng khoảng tháng 6, 7-2021 bà trả nợ cho bà H xong nên tiêu hủy các giấy nợ. Giữa bà và ông B, chồng bà Th là anh em bà con cô cậu. Từ năm 2019, bà có cho bà Th vay tiền đến khoảng tháng 8-2021 thì ngưng do dịch bệnh; hình thức cho vay: Nếu vay thời hạn 01 năm, lãi suất 2,5%/ tháng; vay thời hạn 01 tháng, lãi suất 03%/ tháng; giữa các bên khi cho vay có làm giấy nợ, thỏa thuận cho vay đến hạn trả lại nợ gốc, tiền lãi lấy trước 01 tháng hoặc 01 năm tùy theo thời hạn vay, hết thời hạn vay theo thỏa thuận trả tiền nợ gốc, nếu vay

tiếp thì viết lại giấy nợ mới. Do bà Th không trả nợ, nên bà đã khởi kiện vợ chồng bà Th đến Tòa án để giải quyết và đã có Quyết định của Tòa án khoảng tháng 10-2021.

Giữa bà Th và bà H vay tiền và viết giấy nợ như thế nào bà không biết. Bà không còn nợ tiền bà H, nên không nhờ bà Th trả tiền và ký lại hợp đồng giùm như bà Th trình bày. Bà và bà Th có nhắn tin cho nhau, do bà Th nợ tiền bà H nên bà H nhắn tin nhờ bà nhắc bà Th biết. Tiền nợ giữa bà Th, bà H không liên quan đến bà.

Số tiền bà Th chuyển vào tài khoản của chồng bà 100.000.000 đồng là tiền bà Th trả nợ cho bà. Đối với số tiền 34.840.000 đồng, ông T4 chồng bà chuyển khoản cho bà H là do bà Th nhờ bà chuyển khoản trả tiền lãi giùm cho bà H, vì bà Th không sử dụng Internet Banking. Nay bà Th không thừa nhận nợ và cho rằng không nhờ chuyển khoản trả tiền lãi giùm nên bà xác định số tiền 34.840.000 đồng là số tiền bà trả nợ cho bà H, vì sau khi trả nợ cho bà H xong, bà có vay của bà H 50.000.000 đồng (vay tiền không làm giấy, nhưng bà H nhờ bà T5 chuyển khoản 50.000.000 đồng qua tài khoản của ông T4).

Ông Nguyễn Quốc T4 trình bày: Ông là chồng của bà T3. Ngày 09-8-2021, bà T3 vợ ông có cho bà Th mượn số tài khoản của ông để bà Th chuyển khoản trả nợ cho vợ ông 100.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Th còn nhiều lần nhờ vợ ông sử dụng tài khoản của ông để chuyển khoản trả nợ giùm, do ông có sử dụng Internet Banking, trong đó ngày 12-8-2021 ông có chuyển khoản số tiền 34.840.000 đồng cho bà Huệ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B cùng có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị H số tiền tổng cộng 2.859.044.000 đồng (hai tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc 2.581.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm tám mươi một triệu đồng) và tiền lãi 278.044.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

- Ngày 10-5-2022, bà Lâm Thanh Th kháng cáo không đồng ý với nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, vì cho rằng bà chỉ là người ghi lại giùm hợp đồng cho bà Phạm Thị Bích T3, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 10-5-2022, ông Trương Văn B kháng cáo cho rằng, bà Th vợ ông chỉ ghi lại hợp đồng giùm bà T3. Ông không đồng ý liên đới trả tiền cho bà H, vì ông không mượn tiền của bà H. Ông B đề nghị cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có mặt và đồng ý xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bà. Bà H yêu cầu bà Th, ông B trả lại số tiền vay 2.581.000.000 đồng; không yêu cầu tính tiền lãi.

Bà Th, ông B có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà Th, ông B kháng cáo cho rằng không nợ tiền bà H, nhưng tất cả các giấy nợ do bà Th trực tiếp viết, ký tên, lăn tay với bà H, do đó bà Th trình bày, bà ký lại giấy nợ giùm cho bà T3 với bà H nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; bà T3 không thừa nhận có nhờ bà Th ký lại giấy nợ như bà Th trình bày, vì bà không nợ tiền bà H. Bà H xác định số tiền 2.581.000.000 đồng là cho bà Th, ông B vay, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Th, ông B. Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu đối với bà Th, ông B số tiền lãi 278.044.000 đồng, nên ghi nhận; đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện, từ ngày 09-7-2021 đến ngày 23-7-2021, bà Lâm Thanh Th đã nhiều lần vay tiền của bà Vũ Thị H, cụ thể như sau:

- Ngày 09-7-2021, bà Th ký 02 giấy vay tiền, giấy thứ nhất vay 50.000.000 đồng, giấy thứ hai vay 350.000.000 đồng, lãi suất đều thỏa thuận 04%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng và đã trả trước tiền lãi khi ký giấy vay. Thời hạn trả nợ ngày 09-8-2021.

- Ngày 12-7-2021, bà Th ký 03 giấy vay tiền, giấy thứ nhất vay 380.000.000 đồng; giấy thứ hai vay 396.000.000 đồng; giấy thứ ba vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng và đã trả trước tiền lãi khi ký giấy vay. Thời hạn trả nợ ngày 12-8-2021.

- Ngày 13-7-2021, bà Th ký vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng và đã trả trước tiền lãi khi ký giấy vay. Thời hạn trả nợ ngày 13-8-2021.

- Ngày 14-7-2021, bà Th ký vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng và đã trả trước tiền lãi khi ký giấy vay. Thời hạn trả nợ ngày 14-8-2021.

- Ngày 17-7-2021, bà Th ký vay số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng và đã trả trước tiền lãi khi ký giấy vay. Thời hạn trả nợ ngày 17-8-2021.

- Ngày 23-7-2021, bà Th ký 02 giấy vay tiền, giấy thứ nhất vay 485.000.000 đồng; giấy thứ hai vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 04%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng và đã trả trước tiền lãi khi ký giấy vay. Thời hạn trả nợ ngày 23-8-2021.

Tổng cộng số tiền bà Th ký vay là 2.581.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền, bà Th trực tiếp viết nội dung vay, lăn tay, ký tên, ghi họ tên tại mục bên vay vốn.

[3] Xét lời khai của bà Th trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng, bà không nợ tiền của bà H, tất cả các “Giấy vay vốn” bà ký nhận với bà H là ký lại giấy vay vốn giùm bà Phạm Thị Bích T3, nhưng bà T3 không thừa nhận lời khai này của bà Th. Hơn nữa, tất cả 10 giấy vay vốn (BL từ số 116 đến 125) bà Th ký vay với bà H không có nội dung nào thể hiện bà Th ký lại giấy nợ với bà H giùm cho bà T3 như bà Th trình bày. Cho rằng, bà Th ký lại giấy nợ giùm bà T3, thì tất cả các giấy nợ cũ bà T3 vay của bà H, bà Th cũng không cung cấp được cho Tòa án.

[4] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Th cung cấp nhiên tin nhắn Zalo giữa bà với bà T3, nhưng không có nội dung nào thể hiện bà T3 nhờ bà ký lại giùm 10 giấy vay tiền với bà H như đã trình bày (BL từ số 42 đến số 72), nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Về tiền lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Th, ông B số tiền lãi 278.044.000 đồng là tự nguyện, nên đình chỉ phần rút lại yêu cầu này của bà H.

[6] Mục đích của bà Th vay tiền để làm ăn và cho người khác vay lại nhằm mục đích kiếm lời để sử dụng cho sinh hoạt trong gia đình, nên vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả tiền vay, do đó buộc ông Bằng cùng với bà Th liên đới trả tiền vay cho bà H là có căn cứ.

[7] Bà Th, ông B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự: Bà Th, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 217, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị H số tiền nợ gốc 2.581.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm năm tám mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ phần rút lại yêu cầu về tiền lãi của bà Vũ Thị H đối với bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B số tiền 278.044.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bà Vũ Thị H được quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 83.620.000 đồng (tám mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

4.2. Bà Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 41.810.000 đồng (bốn mươi một triệu, tám trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000507 ngày 04-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thanh Th và ông Trương Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Th, ông B mỗi người đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo 02 biên lai thu số 0000965 và số 0000964, cùng ngày 10-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh; bà Th, ông B đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Quốc Vũ

